

Cải cách thể chế ở Việt Nam: Thực trạng - Những vấn đề đặt ra và xu hướng phát triển

Hồ Sĩ Quý^(*)

và các cộng tác viên^(**)

Tóm tắt: Cải cách thể chế chính là thách thức nhất đối với Việt Nam hiện nay. Bên cạnh những thành tựu to lớn mà đất nước đã đạt được sau hơn 30 năm đổi mới, đặc biệt những kết quả tích cực của việc giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội vài năm gần đây, nhìn từ phương diện cải cách thể chế, cần thừa nhận một thực tế là, thái độ ít hài lòng, không yên tâm và lo lắng... vẫn là tâm thế khá phổ biến hiện nay. Bài viết chỉ ra bảy vấn đề quy định thực trạng đất nước hiện nay và đồng thời cũng quy định chiều hướng và tốc độ của sự phát triển, đó là: 1) Nợ công; 2) Sự lệ thuộc của nền kinh tế; 3) Sự chuyển đổi mô hình phát triển; 4) Tham nhũng; 5) Môi trường, tài nguyên; 6) Các vấn đề xã hội; và 7) Vấn đề biển Đông - vấn đề không tách rời tâm thức Dân tộc - Quốc gia. Bên cạnh đó, bài viết cũng chỉ ra xu hướng phát triển của đất nước trong thời gian tới.

Từ khóa: Thể chế, Cải cách thể chế, Tham nhũng, Nợ công, Mô hình phát triển, Biển Đông

I. Thực trạng - Những vấn đề đặt ra

Đánh giá thực trạng xã hội Việt Nam hiện nay, thái độ khá phổ biến là ít hài lòng, không yên tâm và lo lắng. Điều này thể hiện rõ trong quan niệm của nhiều chính khách, các nhà hoạt động xã hội và giới nghiên cứu. Không đến mức bi quan, không đến mức nhìn tiền đồ, triển vọng tăm tối, nhưng lạc quan thì cũng không nhiều, hy vọng cải thiện tình hình cũng chỉ ở mức cục bộ, riêng với vài lĩnh vực cụ thể. Tâm thế này đề nặng và chi phối bầu không khí

tinh thần xã hội. Mặc dù sự biến chuyển của đời sống kinh tế, chỉ số tăng trưởng, tốc độ phát triển của hạ tầng giao thông, kết quả giải quyết các vấn đề xã hội, đánh giá tín nhiệm đối với Chính phủ, việc xử lý các vụ án tham nhũng... đều có những tiến bộ nhất định. Và mặc dù, tâm thế phát triển nói chung vẫn không nguôi đi, khắp nơi, ở mọi tầng lớp, khát vọng “hóa rồng, hóa hổ” vẫn là thường trực.

Không nên xem thái độ này là bất bình thường hay lạ lùng, mà là một thực tế bình thường và tương đối khách quan. Ngược lại mới là bất bình thường. Bởi lẽ, tất cả những tiến bộ kinh tế - xã hội đạt được trong những năm qua rõ ràng là nhỏ bé so với những vấn đề mà nền kinh tế và đất nước

(*) GS.TS., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: hosiquy.thongtin@gmail.com

(**) Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

đang phải đối mặt. Hậu quả của cách thức điều hành và quản lý giai đoạn trước đó, kể cả việc thực thi ít thành công các quan điểm vĩ mô, việc tiến hành kém hiệu quả trong cải cách thể chế, việc đấu tranh kém triệt để đối với tham nhũng, nhóm lợi ích và lợi dụng chính sách... rõ ràng là lớn và nặng nề đến nỗi thoát ra không dễ.

Trong tương quan với những nhu cầu đặt ra cho sự phát triển của đất nước, dưới đây là những vấn đề vĩ mô gay gắt nhất, phản ánh thực trạng kinh tế - xã hội đất nước.

1. Nợ công

Nợ công ở Việt Nam là vấn đề còn gây tranh cãi ở số liệu thực của nợ công nếu coi tiêu chí hợp lý của nợ công trên Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) là 65% như Chính phủ đã quy định (Quyết định số 544/QĐ-TTg, ngày 20/4/2017).

Tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIV (ngày 22/5-21/6/2017), số liệu mới nhất về nợ công, tính đến ngày 27/3/2017, được công bố là: tỷ lệ nợ công/GDP khoảng 61,5%, trong đó Chính phủ nợ khoảng 51% GDP; nợ được Chính phủ bảo lãnh khoảng 9,8% GDP và địa phương nợ khoảng 0,7% GDP. Dự kiến đến hết năm 2017, tỷ lệ nợ công/GDP khoảng 64,6% GDP (GDP kế hoạch năm 2017 là 4.800.000 tỷ đồng) (Xem: Nguyên Đức, 2017).

So với số liệu của Kiểm toán Nhà nước tháng 5/2017 (61,8% GDP, Xem: Lương Bằng, 2017) và số liệu của Báo cáo tư vấn của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) ngày 5/7/2017 về Chính phủ Việt Nam (63,3% GDP, Xem: IMF, 2017) thì số liệu đã công bố cũng không chênh nhiều. Theo Đồng hồ nợ công toàn cầu, số liệu nợ công của Việt Nam còn thấp hơn (tại thời điểm ngày 24/10/2017, nợ công Việt Nam là 102.954.098.361 USD, chiếm

44,3% GDP, Xem: *The global debt clock*, <http://www.economist.com/...>).

Tuy nhiên, theo phân tích của Vũ Quang Việt, chuyên gia Liên Hợp Quốc (Xem bảng *Nợ và GDP Việt Nam 2010-2016*^(*)), con số nêu trên dù tin cậy được nhưng như vậy là tăng quá nhanh, ở mức gần 35% năm 2015, hơn nữa con số này chưa đủ vì chưa bao gồm số nợ của doanh nghiệp nhà nước không được Chính phủ bảo lãnh. Cụ thể, nợ của Chính phủ năm 2015 là 115 tỷ USD, bằng 59,5% GDP và ước tính năm 2016 ít nhất là 131 tỷ USD, bằng 63,9% GDP. Theo ông, với khoảng 3.200 doanh nghiệp, con số nợ đã là 4,9 triệu tỷ đồng (231 tỷ USD, theo điều tra của Tổng cục Thống kê năm 2014), gấp nhiều lần con số 1,5 triệu tỷ đồng mà Bộ Tài chính đưa ra. Ước tính năm 2016, nợ của doanh nghiệp nhà nước là 324 tỷ USD, bằng 158%

(*) Chú thích của Vũ Quang Việt:

Dòng 1: Số liệu nợ của Chính phủ Việt Nam giai đoạn 2010-2014 dựa vào bản tin nợ công của Bộ Tài chính và năm 2015 dựa vào thông tin Bộ Tài chính đăng tải trên các phương tiện truyền thông. Số liệu năm 2016 dựa vào dự tính việc Chính phủ vay thêm 20 tỷ và trả nợ 12 tỷ trong năm, tức là thêm 8 tỷ, ngoài ra còn vay tín dụng ngân hàng với số lượng tương đương như các năm trước. Tổng vay là 16 tỷ năm 2016.

Dòng 2: Số liệu nợ của doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2010-2014 lấy từ bảng 10 trong kết quả của Doanh nghiệp Việt Nam giai đoạn 2010-2014, Tổng cục Thống kê xuất bản năm 2016. Số liệu năm 2015, 2016 tính dựa vào tăng trưởng tín dụng năm 2015 và 2016 và sự khác biệt giữa tín dụng và nợ. Tín dụng tăng rất cao ở mức 20% năm 2016.

Dòng 3: Nợ chính phủ có phần nợ doanh nghiệp nhà nước do Chính phủ bảo lãnh, trong khi đó nợ doanh nghiệp nhà nước cũng gồm phần bảo lãnh, do đó tổng nợ đã trừ phần trùng lặp này.

Dòng 7: Số liệu nợ nước ngoài giai đoạn 2010-2015 lấy từ *Key Indications for Asia and the Pacific 2016* của Asia Development Bank. Số liệu năm 2016 là ước tính của IMF trong báo cáo về Việt Nam.

**Bảng 1. Nợ công của Việt Nam theo Báo cáo tư vấn của IMF
5/7/2017 (%GDP)**

	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
Nợ công đã công bố (cuối kỳ)	47,9	51,8	55,1	58,3	62,4	63,3	64,3
Tổng nợ nước ngoài (cuối kỳ)	37,4	37,3	38,3	43,1	47,8	49,5	51,0

Bảng 2. Nợ và GDP Việt Nam 2010-2016 (tỷ USD)

		2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	Nguồn
1	Nợ chính phủ	46,9	52,5	61,4	72,3	85,9	115,0	131,0	Bộ Tài chính
	Nợ nước ngoài	28,0	32,0	34,9	36,3	38,1			Bộ Chính trị
	Nợ ngân hàng	11,9	12,3	15,6	19,5	25,2	32,4		ADB
	Nợ trái phiếu	7,0	8,2	10,9	16,5	22,6			
2	Nợ doanh nghiệp nhà nước	160,7	178,5	194,1	213,0	213,0	270,3	324,4	Tổng cục Thống kê
3	Nợ chính phủ + Nợ doanh nghiệp nhà nước	195,7	217,2	239,0	266,4	297,1	363,4	431,3	
4	GDP	115,9	135,5	155,8	171,2	186,2	193,2	205,2	UN/Tổng cục Thống kê
5	Nợ chính phủ % GDP	40,5	38,8	39,4	42,2	46,2	59,5	63,9	
6	Nợ chính phủ + Nợ doanh nghiệp nhà nước % GDP	168,8	160,2	153,4	155,6	159,6	188,1	210,2	
7	Nợ nước ngoài	44,9	53,1	59,1	65,5	71,9	80,4	89,6	ADB/IMF
	Chính phủ	32,8	36,8	39,9	42,9	44,8			ADB
	Doanh nghiệp	4,7	5,9	8,8	9,9	13,6			ADB
	Khác	7,4	10,4	10,4	12,7	13,5			ADB

Nguồn: Vũ Quang Việt (2017), *Nợ, trả nợ và khủng hoảng*, <http://www.thesaigontimes.vn/156693/No-tra-no-va-khung-hoang.html>

GDP. Nghĩa là, cộng cả nợ chính phủ và nợ doanh nghiệp nhà nước sau khi trừ đi phần Chính phủ bảo lãnh trùng lặp, tổng nợ năm 2016 là 431 tỷ USD, bằng 210% GDP. Đây là con số ở mức nguy hiểm (Xem: Vũ Quang Việt, 2017).

Phân tích của Vũ Quang Việt cũng trùng với ý kiến của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc. Tại hội nghị của Bộ Tài chính ngày 7/1/2017, Thủ tướng đã đề cập đến con số tăng trung bình của nợ công trong 5 năm qua là 18,4%. Nghĩa là, “Việt Nam là một trong những quốc gia có tỷ lệ nợ công tăng nhanh nhất”, “gấp 3 lần tăng trưởng kinh tế” (Xem: Nguyễn Vũ, 2017; Lê Thanh, Ngọc An, 2017). Con số này đã sát trần giới hạn. Số lượng tuyệt đối tính cả nợ của các doanh nghiệp nhà nước cũng được Đại biểu Quốc hội Trương Trọng Nghĩa thừa nhận là khoảng 400 tỷ USD; “Không thể phủi tay” với số nợ này được, ông đã phát biểu như vậy trước Quốc hội ngày 30/5/2017 (Xem: Minh Anh, 2017).

Nói một cách đơn giản, khi cả nước làm ra 100 đồng thì lại nợ tới 210 đồng. Và nợ công tính theo đầu người Việt Nam hiện khoảng 100 triệu đồng. Con số này phản ánh tình hình nguy hiểm là vì vậy.

Nói rằng số liệu nợ công *phản ánh thực trạng tình hình quốc gia vì đằng sau những tranh cãi đó là sự lo lắng của xã hội về lãng phí và tham nhũng gắn với nợ công, về trách nhiệm trả nợ của thể hệ hiện nay và con cháu; sau nữa là về nguy cơ khủng hoảng ngân sách, năng lực điều hành vĩ mô và sự bất bình thường của thể chế quản lý.*

2. Nền kinh tế lệ thuộc

a. Lệ thuộc vào khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Đầu năm 2017, nhiều chuyên gia lên tiếng cảnh báo, kinh tế Việt Nam ngày càng

phụ thuộc nhiều hơn vào khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Nếu như năm 2009, xuất khẩu của khu vực FDI chỉ chiếm 32,9% tổng kim ngạch xuất khẩu thì con số này đã tăng lên 70,2% năm 2016 và 72,4% trong nửa đầu năm 2017. Khu vực kinh tế trong nước ngày càng trở nên yếu thế so với khu vực FDI. Các giải pháp ngắn hạn với tư duy mang tính đối phó với sự suy giảm như tăng vốn, đẩy nhanh giải ngân các công trình công, hoặc tăng sản lượng khai thác dầu thô,... có thể vừa không khả thi, vừa làm hỏng quyết tâm cải cách (Xem: Thanh Tâm, 2017).

b. Lệ thuộc vào Trung Quốc

Mặc dù 6 tháng đầu năm 2017, Việt Nam nhập siêu từ Hàn Quốc lên tới 16 tỷ USD (nhập khẩu 22,5 tỷ USD, xuất khẩu 6,5 tỷ USD) khiến Hàn Quốc trở thành nước mà Việt Nam nhập siêu lớn nhất (Xem: Anh Minh, 2017), tuy nhiên, với Việt Nam, sự phụ thuộc vào Trung Quốc mới là thực tế đáng lo ngại.

Những năm gần đây, mỗi năm Việt Nam đều nhập siêu từ Trung Quốc khoảng 50 tỷ USD, trong đó nhập không chính thức khoảng 20 tỷ USD qua các đường tiểu ngạch. Nếu năm 2014, nhập khẩu từ Trung Quốc chiếm 29,6% tổng giá trị nhập khẩu của Việt Nam, thì năm 2015 số liệu hải quan cho thấy giá trị nhập khẩu từ Trung Quốc đã là 49,5 tỷ USD, tăng 13,3% so với năm 2014 và chiếm 29,9% tổng giá trị nhập khẩu quốc gia. Như vậy, nếu năm 2014 Việt Nam nhập siêu 28,8 tỷ USD giá trị hàng hóa từ Trung Quốc thì trong năm 2015 con số này là 32,4 tỷ USD, tính hết tháng 10/2016 là 40,24 tỷ USD trên tổng giá trị nhập khẩu cả nước là 140,6 tỷ USD. Có tới 10 mặt hàng nhập khẩu từ Trung Quốc đều là những sản phẩm công nghiệp có giá trị ở đơn vị tỷ

USD, nhiều nhất là máy móc thiết bị với giá trị hơn 9 tỷ USD, tiếp đến là điện thoại và linh kiện với gần 7 tỷ USD (Xem: Trung Nghĩa, 2016).

Cùng với nguy cơ phụ thuộc của nền kinh tế, quan hệ đặc thù giữa Trung Quốc và Việt Nam còn khiến nhiều ý kiến bày tỏ sự lo ngại về nhiều mặt.

Việc thu hút và biến đổi chủ sở hữu các doanh nghiệp thành doanh nghiệp nước ngoài, việc Trung Quốc dễ dàng trúng thầu hoặc đầu tư lớn trên khắp các vùng miền đất nước, việc thuê đất đầu nguồn trồng rừng với thời hạn rất dài, việc chiếm cứ và xây dựng các khu du lịch nghỉ dưỡng tại những vị trí trọng yếu, việc tiếp tục đầu tư lớn vào các dự án giao thông, các nhà máy công nghệ thấp, và cả việc có mặt của người Trung Quốc tại Việt Nam... không thể nói là bình thường (Xem: Duy Anh, 2017; Hồ Mai, 2017; Ông chủ mới của Big C..., <http://bluevn.info/ong-chu-moi...>; Trần Phương, 2017; Nhật Minh, 2017; Giấc mơ hào huyền của Viettel..., <http://bluevn.info/giac-mo-hao-huyen>).

3. Sự chuyển đổi mô hình phát triển

Tăng trưởng GDP bình quân của Việt Nam thời gian qua đạt mức tương đối cao so với các nước trong khu vực (những năm 2005-2017 khoảng 6%). Tuy nhiên, đóng góp vào GDP của Việt Nam lại chủ yếu từ khu vực kinh tế cá thể, tư nhân với tỷ lệ ổn định ở mức gần 40%; Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân của khu vực kinh tế tư nhân giai đoạn 2003-2015 là 10,2%/năm. Tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế nhà nước có suy giảm. Tuy nhiên, số doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn quá ít, chỉ chiếm tỷ trọng khoảng 8% trong suốt những năm 2005-2017 (Xem: Nguyên Thảo, 2017). Chênh lệch giữa GNI (thu nhập quốc gia)

và GDP của Việt Nam ngày càng có xu hướng tăng. Nếu năm 2000 chênh lệch này chỉ khoảng 0,45 tỷ USD, bằng 1,4% GDP, thì đến năm 2014 chênh lệch này đã là 9 tỷ USD, chiếm gần 5% GDP (số liệu từ năm 2015 đến nay không thấy có). Lượng tiền chuyển ra nước ngoài này phần lớn là chi trả cho sở hữu FDI. Tuy nhiên, GDP tăng chưa chắc đã làm cho đất nước giàu hơn, vì cách tính toán của Việt Nam đã che lấp con số đó. Theo chuyên gia Bùi Trinh, sở dĩ tỷ lệ dự trữ/GDP không sụt giảm là do lượng kiều hối khoảng 10 tỷ USD hàng năm bù lại (Xem: Hoàng Hạnh, 2017).

Như vậy, nền kinh tế Việt Nam vẫn còn nhiều tiềm năng chưa được khai thác. Tiềm lực của các định chế kinh tế đã ký kết chưa được phát huy do chưa được quan tâm đúng mức. Kinh tế nội địa, nội sinh trên thực tế thiếu một sân chơi bình đẳng. Việc chỉ ra mô hình tăng trưởng có vấn đề, hệ thống cân đối liên ngành có nhiều mất cân đối, dù đã nhấn mạnh mấy năm qua với nhiều tuyên bố ấn tượng, nhưng hiệu quả thực tế rất hạn chế.

Những kết quả đạt được chưa tương xứng với nỗ lực và kỳ vọng, phản ánh quá trình tái cơ cấu và chuyển đổi mô hình tăng trưởng vẫn đứng trước quá nhiều chướng ngại. Các chính sách tái cơ cấu kinh tế đã thực hiện mấy năm qua chưa đủ tác động đến thay đổi mô hình tăng trưởng. Việc thay đổi cả quy mô, chất lượng và hiệu quả kinh tế còn rất xa mục tiêu. Việc xử lý nợ xấu được coi là vượt mục tiêu đề ra, nhưng thực tế mới giải quyết (thực ra là chuyển đổi) được 2,55% tổng dư nợ. Chưa có phương án thực tế, căn bản cho những khối nợ xấu khổng lồ, thậm chí còn có nguy cơ biến tướng gây thêm hậu quả xã hội. Sau gần 4 năm, tính đến cuối năm 2015, nợ xấu

giảm xuống còn 131,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 2,55% tổng dư nợ (Xem: Nguyễn Mạnh Hùng, 2017). Việc cân đối ngân sách nhà nước gặp quá nhiều vấn đề, thâm hụt lớn và kéo dài, chưa có khả năng bắt được xu hướng phát triển bền vững. Đổi mới quản trị ngân hàng chậm và nan giải. Việc thay đổi nguồn đầu tư không đơn giản, hiệu quả đầu tư thấp gây lãng phí, thất thoát. Việc đa dạng hóa sở hữu hầu như không mấy tiến triển, kinh tế tư nhân chậm phát triển, kinh tế nhà nước vẫn là gánh nặng trong nhiều ngành, lĩnh vực, nhiều hoạt động kinh tế. Sở hữu chéo chưa giải quyết được.

Mặc dù hội nhập kinh tế của Việt Nam được đánh giá là mạnh và có bản lĩnh, nhưng ở Việt Nam, điều lạ lùng là quá trình hội nhập kinh tế quốc tế cũng không đủ làm cho các nguyên tắc thị trường được tôn trọng và phát huy tác dụng đúng mức. Năng lực bộ máy quản lý nhà nước các cấp còn hạn chế. Pháp luật còn có sự chồng chéo và thực thi không nghiêm. Vai trò giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội và sự tham gia của người dân vào các quá trình kinh tế - xã hội còn rất mờ nhạt, làm tăng lãng phí xã hội (Xem: Ban Kinh tế TW- USAID, 2017).

4. Tham nhũng

Bảng 3. Chỉ số tham nhũng của Việt Nam trong Báo cáo FSI 2006-2016

FSI	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016
Tham nhũng	7.0	7.0	7.2	7.3	7.3	7.5	7.5	7.8	8.0	8.1	8.4

Mặc dù cuộc chiến chống tham nhũng ngày càng được Đảng và Nhà nước đẩy mạnh với nhiều giải pháp hữu hiệu, song đánh giá cả từ phía dư luận trong nước và

cả từ phía bên ngoài đều cho thấy Việt Nam vẫn khó có được phương án khả dĩ sớm giải quyết và cải thiện tình hình.

Theo Báo cáo công bố ngày 25/1/2017 của Tổ chức Minh bạch Quốc tế (TI), Chỉ số Cảm nhận Tham nhũng (CPI) của Việt Nam là 33/100 điểm, đứng thứ 113/176 nước. Nghĩa là, mặc dù Việt Nam đã có rất nhiều cố gắng trong chống tham nhũng, nhưng kết quả cũng chưa thể tạo ra thay đổi gì mang tính đột phá. Việt Nam vẫn tiếp tục nằm trong nhóm các nước tham nhũng nghiêm trọng. Kết quả này cũng tương đồng với báo cáo của Chính phủ Việt Nam tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIV, ngày 28/10/2016 về công tác phòng chống tham nhũng (Xem: <http://www.transparency.org...>; PV., 2016; Chí Hiếu, 2017; Bắc Văn, 2017).

Bảng 4. Chỉ số cảm nhận tham nhũng (CPI) của Việt Nam 2012-2016 (theo CPI 2017)

Năm	Điểm số/100	Xếp hạng
2012	31/100	123/176
2013	31/100	116/177
2014	31/100	119/175
2015	31/100	112/168
2016	33/100	113/176

Trong Báo cáo Chỉ số thành bại quốc gia (Fragile State Index), chỉ số tham nhũng của Việt Nam suốt từ năm 2005 đến năm 2016 cũng thuộc loại cảnh báo (từ 7,0 trở

lên) và ngày càng có xu hướng tăng về phía tiêu cực (Xem: Hồ Sĩ Quý, 2017).

Hiện thời, vấn đề đặt ra đối với cuộc chiến chống tham nhũng là ở chỗ, với tham nhũng đã xảy ra, không có cách nào khác (do không thể thay đổi được quá khứ), xã hội buộc phải chấp nhận. Phải chấp nhận với nghĩa rằng, buộc phải giải quyết hậu quả, kể cả hậu quả văn hóa - xã hội lẫn hậu quả kinh tế. Nhưng với những nguy cơ tham nhũng tiếp theo, liệu có thể giải tỏa hoặc chặn đứng được hay không. Các giải pháp và quyết sách của Đảng và Chính phủ đang đi theo chiều hướng đó và bước đầu đã có những dấu hiệu tích cực.

Những vấn đề đặt ra cũng như những giải pháp tháo gỡ cho cuộc chiến chống tham nhũng, trên thực tế, đều nằm ở các quyết sách hành động, chứ không còn thuộc phạm vi nhận thức. Vì căn bản những gì cần nhận thức đều đã được bàn luận tương đối kỹ trên nhiều diễn đàn với sự tham gia của các tổ chức và cá nhân có trách nhiệm. Còn nhiều lý do khách quan và chủ quan đã khiến cho cuộc chiến này đến nay vẫn chưa đạt được hiệu quả như mong muốn.

Giống như mầm bệnh ung thư, tham nhũng trên thực tế sẽ dễ tiếp ra tham nhũng. Không một chế độ xã hội nào tồn tại và phát triển được khi tham nhũng trở thành quốc nạn. Một quốc gia có tham nhũng ở mức độ quốc nạn khi dân chúng làm ngơ trước tham nhũng và những vị trí quyền lực có thể mua được.

5. Môi trường, tài nguyên

“Về cơ bản, môi trường đất, môi trường nước, môi trường không khí nước ta nhìn chung còn khá tốt” - đó là đánh giá tổng quát của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Hội nghị Môi trường toàn quốc ngày 24/8/2016. Tuy nhiên, trong các báo cáo chi

tiết, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các chuyên gia cũng đã công bố nhiều con số đáng lo ngại (Xem: Khánh Hòa, 2016; Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2016):

Hàng năm, cả nước sử dụng hơn 100.000 tấn hóa chất bảo vệ thực vật; thải hơn 23 triệu tấn rác thải sinh hoạt, hơn 7 triệu tấn chất thải rắn công nghiệp, hơn 630.000 tấn chất thải nguy hại trong khi việc xử lý chất thải, nước thải còn rất hạn chế. Cả nước hiện có 458 bãi chôn lấp rác thải, trong đó có 337 bãi chôn lấp không hợp vệ sinh; có hơn 100 lò đốt rác sinh hoạt công suất nhỏ, có nguy cơ phát sinh khí dioxin, furan.

Bên cạnh đó, có hơn 2.000 dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Cả nước hiện có 283 khu công nghiệp với hơn 550.000m³ nước thải/ngày đêm; 615 cụm công nghiệp nhưng trong đó chỉ khoảng 5% có hệ thống xử lý nước thải; Cả nước hiện có 787 đô thị với 3.000.000m³ nước thải/ ngày đêm nhưng hầu hết chưa được xử lý; Hơn 500.000 cơ sở sản xuất thuộc loại hình sản xuất ô nhiễm môi trường, với công nghệ sản xuất lạc hậu, trong đó, hơn 5.000 doanh nghiệp khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, hơn 4.500 làng nghề. Hơn 13.500 cơ sở y tế hàng ngày phát sinh hơn 47 tấn chất thải nguy hại và 125.000m³ nước thải y tế; Khu vực FDI hiện có chiều hướng dịch chuyển dòng vốn vào các ngành tiêu tốn năng lượng và tài nguyên, nhân lực, không thân thiện với môi trường như: luyện kim, sửa chữa tàu biển, dệt may, da giày, sản xuất bột giấy, sản xuất hóa chất, chế biến nông sản thực phẩm, khai thác và tận thu khoáng sản không gắn với chế biến sâu...; Tình trạng chuyển đổi đất rừng, xây dựng thủy điện, khai thác tài nguyên đã dẫn đến thu hẹp diện tích các hệ

sinh thái tự nhiên, chia cắt các sinh cảnh, suy giảm đa dạng sinh học.

Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng đã công bố 7 sự cố môi trường lớn xảy ra năm 2016 gây tác động nguy hiểm: 1/ Sự cố môi trường Formosa; 2/ Hiện tượng ô nhiễm nước sông Bưởi (Thanh Hóa) tháng 3-4/2016, do Nhà máy Mía đường Hòa Bình xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường; 3/ Sự cố ô nhiễm nước sông Cẩm Đàn (Sơn Động, Bắc Giang) do Tập đoàn khoáng sản Á Cường xả nước thải trực tiếp ra sông; 4/ Cá chết ở Hồ Tây (Hà Nội) tháng 9-10/2016 do nước bị ô nhiễm nặng chất hữu cơ; 5/ Vỡ bể chứa bùn thải chui tại Pác Miều, Cao Bằng tháng 1/2016; 6/ Ô nhiễm ở khu công nghiệp Tăng Loong, Lào Cai; 7/ Vỡ hồ chứa nước đải Titan tại Bình Thuận tháng 6/2016.

Hiện nay, 8 vấn đề bức bách nhất về môi trường đã được Chính phủ Việt Nam và các tổ chức quốc tế xác định, cần được ưu tiên giải quyết là: 1/ Cạn kiệt tài nguyên rừng đã xảy ra ở nhiều vùng. Nguy cơ mất rừng và tài nguyên rừng đang đe dọa cả nước; 2/ Sự suy thoái nhanh của chất lượng đất và diện tích đất canh tác theo đầu người; 3/ Tài nguyên biển, đặc biệt là tài nguyên sinh vật biển ở ven bờ đã bị suy giảm đáng kể, môi trường biển bắt đầu bị ô nhiễm; 4/ Sự cạn kiệt và suy giảm tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, sinh vật, hệ sinh thái...; 5/ Ô nhiễm môi trường, trước hết là môi trường nước, không khí và đất đã xuất hiện ở nhiều nơi, nhiều lúc đến mức trầm trọng. Vấn đề về vệ sinh môi trường phức tạp; 6/ Di hại của chiến tranh, đặc biệt là các hóa chất độc hại đã và đang gây ra những hậu quả cực kỳ nghiêm trọng đối với môi trường và con người; 7/ Sự phân bố không đồng đều và không hợp lý

lực lượng lao động giữa các vùng và các ngành; 8/ Thiếu nhiều cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực, chế tài để giải quyết các vấn đề môi trường.

Môi trường - tài nguyên không chỉ là vấn đề kinh tế - xã hội mà còn là vấn đề thuộc trách nhiệm của thế hệ hôm nay đối với con cháu mai sau. *Thực trạng khai thác tài nguyên cùng với những sự cố môi trường đã xảy ra, mà đặc biệt là sự cố Formosa, đã đặt đất nước vào những căng thẳng xã hội ở mức độ nguy hiểm. Trong tư duy, không quốc gia nào chủ trương đánh đổi môi trường-tài nguyên lấy tốc độ tăng trưởng, nhưng trong thực tế, rất nhiều quyết sách vì mô lại thường vô thức không thoát nổi quả bom sinh thái-môi trường (Ecoenvironmental bomb) □*

(còn nữa)

Tài liệu tham khảo

1. Duy Anh (2017), *Đề Trung Quốc rầm rộ thâu tóm bất động sản Việt rồi kiện đòi lãnh thổ được không*, <http://bluevn.info/de-trung-quoc-ram-ro-thau-tom-bat-dong-san-viet-roi-kien-doi-lanh-tho-duoc-khong.html>
2. Minh Anh (2017), *Chủ tịch Quốc hội: không nước nào quản lý nợ công giống Việt Nam*, <http://ndh.vn/chu-tich-quoc-hoi-khong-nuoc-nao-quan-ly-no-cong-giong-viet-nam-20170530095133751p4c145.news>
3. Ban Kinh tế TW-USAID (4/2017), *Báo cáo chẩn đoán tăng trưởng kinh tế Việt Nam*.
4. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2016), *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2011-2015*.
5. Lương Bằng (2017), *Nợ công 2,5 triệu tỷ. Chính phủ trả nợ thay nhiều dự án*,

- <http://vietnamnet.vn/vn/kinh-doanh/tai-chinh/kiem-toan-ngan-sach-2015-no-cong-2-5-trieu-ty-chinh-phu-tra-no-tha-y-nhieu-du-an-373811.html>
6. *Corruption Perceptions Index* 2016, 25 Jan. 2017, http://www.transparency.org/news/feature/corruption_perceptions_index_2016
 7. Nguyễn Đức (2017), *Quốc hội lo nợ công tăng nhanh và bong bóng bất động sản*, <http://baodautu.vn/quoc-hoi-lo-no-cong-tang-nhanh-va-bong-bong-bat-dong-san-d63906.html>
 8. *Giấc mơ hảo huyền của Viettel và ác mộng gánh nợ nghìn tỷ của người dân*, <http://bluevn.info/giac-mo-hao-huyen-cua-vitel-va-ac-mong-ganh-no-nghin-ty-cua-nguoi-dan.htm>
 9. Hoàng Hạnh (2017), *GDP: Nên theo đuổi lượng hay chất?*, <http://www.baomoi.com/gdp-ncn-theo-duoi-luong-hay-chat/c/22473901.epi>
 10. Chí Hiếu (2017), *Báo cáo Bộ Chính trị về 12 dự án ngàn tỷ thua lỗ (12/4/2017)*, <http://thanhnien.vn/thoi-su/bao-cai-bo-chinh-tri-ve-12-du-an-ngan-ti-thua-lo-824896.html>
 11. Khánh Hòa (2016), *Thực trạng môi trường: Những con số gây sốc*, <http://laodong.com.vn/thoi-su-xa-hoi/thuc-trang-moi-truong-nhung-con-so-gay-soc-586364.bld>
 12. Nguyễn Mạnh Hùng (2017), *Thảo “nút thắt” xử lý nợ xấu ngành Ngân hàng Việt Nam*, http://tapchi.hvn.edu.vn/upload/5744/20160831/Nguyen%20Manh%20Hung%20T6_2016.pdf
 13. IMF (2017), *IMF Executive Board Completes the 2017, Article IV Consultation with Vietnam*, July 5, 2017, <http://www.imf.org/en/News/Articles/2017/07/05/pr17262-vietnam-imf-executive-board-completes-the-2017-article-iv-consultation>
 14. Hồ Mai (2017), *Bong bóng ông chủ Trung Quốc sau các dự án, doanh nghiệp Việt*, <http://vietnamfinance.vn/bong-dang-ong-chu-trung-quoc-sau-cac-du-an-doanh-nghiep-viet-20170422115444174.htm>
 15. Anh Minh (2017), *Việt Nam nhập siêu lớn nhất từ Hàn Quốc*, <http://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/hang-hoa/vietnam-nhap-sieu-lon-nhat-tu-han-quoc3619651.html>
 16. Nhật Minh (2017), *Cuộc “di dân” khổng lồ có một không hai trong lịch sử của người Trung Quốc sang Việt Nam*, <http://bluevn.info/trung-quoc-thuc-hien-chinh-sach-ngoai-giao-du-lich-de-gay-suc-ep-chinh-tri-voi-viet-nam-ky-1.html>
 17. Trung Nghĩa (2016), *Thương mại Việt Nam đang phụ thuộc vào Trung Quốc đến mức nào*, <http://ndh.vn/thuong-mai-viet-nam-dang-phu-thuoc-va-trung-quoc-den-muc-nao-20160128030038651p4c145.news>
 18. *Ông chủ mới của Big C Việt Nam thực chất là ai*, <http://bluevn.info/ong-chu-moi-cua-big-c-viet-nam-thuc-chat-la-ai.html>
 19. Trần Phương (2017), *Trung Quốc đang nắm trong tay quyền sinh sát đối với hàng loạt cơ sở hạ tầng của Việt Nam*, <http://bluevn.info/trung-quoc-dang-nam-trong-tay-quyen-sinh-sat-doi-voi-hang-loai-co-ha-tang-cua-viet-nam.html>
 20. PV. (2016), *Báo cáo của Chính phủ trước Quốc hội về công tác phòng, chống tham nhũng 2016*,

- http://www.thanhtra.gov.vn/ct/news/Lists/TinNongMoi/View_Detail.aspx?ItemID=383
21. Hồ Sĩ Quý (2017), “Việt Nam trong chỉ số thành bại của các quốc gia 2005-2016”, Tạp chí *Thông tin Khoa học xã hội*, số 2.
 22. Thanh Tâm (2017), *Kinh tế Việt Nam ngày càng phụ thuộc vào FDI*, <http://ndh.vn/vepr-kinh-te-viet-nam-ngay-cang-phu-thuoc-vao-fdi-dac-biet-samsung-20170710031430725p4c145.news>
 23. Lê Thanh, Ngọc An (2017), *Nợ công tăng nhanh gấp ba tốc độ tăng trưởng*, <http://tuoitre.vn/tin/kinhte/20170107/no-cong-tang-nhanh-gap-ba-toc-do-tang-truong/1248427.html>
 24. Nguyễn Thảo (2017), *Nội lực của kinh tế tư nhân còn yếu*, <http://www.stockbiz.vn/News/2017/4/26/740478/ong-nguyen-van-binh-noi-luc-cua-kinh-te-tu-nhan-con-yeu.aspx>
 25. Nguyễn Thảo (2016), *Học sinh Việt Nam xếp thứ 8 về khoa học*, <http://vietnamnet.vn/vn/giao-duc/khoa-hoc/ket-qua-pisa-2015-hoc-sinh-viet-nam-xep-thu-8-ve-khoa-hoc-thu-30-ve-doc-hieu-344921.html>
 26. *The global debt clock*, http://www.economist.com/content/global_debt_clock
 27. *The other Asian tiger. The Economist* Aug. 4th 2016, <http://www.economist.com/news/leaders/21703368-vietnams-success-merits-closer-look-other-asian-tiger>
 28. Lê Thúy (2016), *Mỹ rút khỏi TPP: Kinh tế Việt Nam sẽ càng “gắn chặt” vào Trung Quốc*, <http://thoibaokinhdanh.vn/Dien-dan-1Q/My-rut-khoi-TPP-Kinh-te-Viet-Nam-se-cang-gan-chat-vao-Trung-Quoc-28035.html>
 29. Minh Thủy, Thiên Chương (2011), *Thừa trình độ, bệnh viện nội vẫn “thua trên sân nhà”*, <http://giadinh.vnexpress.net/tin-tuc/to-am/thua-trinh-do-benh-vien-noi-van-thua-tren-san-nha-2277238.html>
 30. Phạm Quý Thọ (2016), *Cải cách thể chế ở VN: Dấu ấn 2016*, <http://www.bbc.com/vietnamese/forum-38496804>
 31. Trương Đình Tuyển (2016), *Cải cách thể chế là quyết định*, <http://tphcm.chinhphu.vn/ong-truong-dinh-tuyen-cai-cach-the-che-la-quyet-dinh>
 32. Bắc Văn (2017), *Đẩy nhanh xét xử các vụ án thuộc diện trung ương theo dõi*, <http://www.nhandan.com.vn/chinhtri/item/32630802-day-nhanh-xet-xu-cac-vu-an-thuoc-dien-trung-uong-theo-doi.html>
 33. Vũ Quang Việt (2017), *Nợ, trả nợ và khủng hoảng*, <http://www.thesaigon-times.vn/156693/No-tra-no-va-khung-hoang.html>
 34. Nguyễn Vũ (2017), *Việt Nam là một trong những nước có tỷ lệ nợ công tăng nhanh nhất*, <http://vneconomy.vn/thoi-su/viet-nam-la-mot-trong-nhung-nuoc-co-ty-le-no-cong-tang-nhanh-nhat-20170713090935247.html>